



**CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

**HƯỚNG DẪN  
QUYẾT TOÁN THUẾ NĂM 2016  
VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI  
NĂM 2017**

THÁNG 02/2017



**MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý  
VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(*Từ trang 11 đến trang 37*)**

## CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ THUẾ GTGT

- 1- Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT
- 2- Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính để cải cách đơn giản các thủ tục về thuế
- 3- Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số các quy định về thuế
- 4- Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và Luật Quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ
- 5- Thông tư số 193/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT

3

## CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ THUẾ GTGT

- 6- Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
- 7- Thông tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT

4

## I/ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

### 1- Đối với hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản

*Căn cứ văn bản số 222/TCT-CS ngày 18/01/2017 của Tổng Cục Thuế về thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản thì:*

Hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Trường hợp hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản có **gắn với công trình, kết cấu hạ tầng trên đất, máy móc thiết bị phương tiện vận tải** thì phần giá trị công trình, kết cấu hạ tầng trên đất, máy móc thiết bị phương tiện vận tải phải chịu thuế GTGT theo thuế suất là 10%.

## I/ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

### 2- Đối với máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp

Máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT quy định tại:

- Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT;
- Điểm 1 văn bản số 12848/BTC-CS ngày 15/09/2015;
- Điểm 1 văn bản số 1677/BTC-TCT ngày 29/01/2016;
- Điểm 1, 2 văn bản số 16659/BTC-CST ngày 22/11/2016;
- Văn bản số 10708/BTC-TCT ngày 03/08/2016

của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế GTGT đối với máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

## I/ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

### 2- Đối với máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp

Các loại máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp khác chưa được quy định nêu trên thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố xác nhận.

Theo văn bản số 15155/BTC-CST ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính thì **hệ thống nhà kính đồng bộ nhập khẩu** được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xác định là thiết bị chuyên dùng cho sản xuất nông nghiệp thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

7

## I/ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

### 3- Về thức ăn gia súc, gia cầm

*a) Căn cứ văn bản số 4583/TCT-CS ngày 04/11/2015 của Tổng cục Thuế hướng dẫn về thuế GTGT thì các sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm thuộc đối tượng không chịu thuế bao gồm:*

8

## I/ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

### 3- Về thức ăn gia súc, gia cầm

+ Sản phẩm trồng trọt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất bán ra (ví dụ như tấm mì, cám mì, tấm gạo (gạo gầy), cám gạo được tạo ra từ quá trình xay sát thóc hoặc xay sát lúa mì) theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số [26/2015/TT-BTC](#) ngày 27/2/2015 thuộc đối tượng không chịu thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại thì không phải kê khai tính nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư số [219/2013/TT-BTC](#) ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

## I/ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

### 3- Về thức ăn gia súc, gia cầm

+ Sản phẩm đã qua chế biến hoặc chưa qua chế biến như bã, khô dầu các loại, bột cá, bột xương, bột tôm, cám (đã qua chế biến) làm thức ăn chăn nuôi.

+ Các loại thức ăn khác dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản và vật nuôi khác, các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi (như premix, hoạt chất và chất mang) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số [08/2010/NĐ-CP](#) ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi và khoản 2, khoản 3 Điều 1 Thông tư số [50/2014/TT-BNNPTNT](#) ngày 24/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## I/ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

### 3- Về thức ăn gia súc, gia cầm

*b) Căn cứ văn bản số 15771/BTC-CST ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính về chính sách thuế GTGT đối với mặt hàng bã hèm bia thì:*

Mặt hàng bã hèm bia theo Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi, gia súc, gia cầm nhập khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT (trang 12) ngày 25/06/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có số thứ tự 450: **mặt hàng bã hèm bia nên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.**

## I/ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

### 3- Về thức ăn gia súc, gia cầm

c) Trường hợp những sản phẩm được dùng làm thức ăn chăn nuôi hoặc làm nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi (ngoài các sản phẩm nêu trên) và chưa được quy định cụ thể tại Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn.

## I/ ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

### 4- Đối với sản phẩm củi trấu

*Căn cứ văn bản số 8556/BTC-TCT ngày 23/06/2016 của Bộ Tài chính:*

Trường hợp tổ chức, cá nhân bán sản phẩm **củi trấu, trấu ép, trấu viên** do **tổ chức, cá nhân tự sản xuất từ nguyên liệu là trấu mua từ các tổ chức, cá nhân khác** thì sản phẩm **củi trấu, trấu ép, trấu viên** là các sản phẩm trồng trọt mới qua sơ chế thông thường hoặc chưa chế biến thành các sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, thuế GTGT không được khấu trừ, hoàn thuế GTGT.

13

## II/ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHẢI TÍNH VÀ KÊ KHAI NỘP THUẾ GTGT

### **Đối với khoản tiền thù lao nhận thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước.**

Theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 193/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về thuế GTGT thì:

Tổ chức, doanh nghiệp nhận được khoản thù lao từ các cơ quan Nhà nước do thực hiện thu hộ, chi hộ cho các cơ quan Nhà nước thì khoản thù lao này thuộc trường hợp không tính và kê khai nộp thuế GTGT.

14



## II/ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHẢI TÍNH VÀ KÊ KHAI NỘP THUẾ GTGT

**Đối với khoản tiền thù lao nhận thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước.**

Các khoản thù lao thực hiện thu hộ, chi hộ cho các cơ quan Nhà nước là các khoản thù lao nhận được từ các hoạt động: thu hộ bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế tự nguyện cho cơ quan bảo hiểm xã hội; chi trợ cấp ưu đãi cho người có công, trợ cấp khác cho Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; thu thuế của hộ cá nhân cho cơ quan thuế và các khoản thu hộ, chi hộ khác cho cơ quan nhà nước.

15

## II/ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHẢI TÍNH VÀ KÊ KHAI NỘP THUẾ GTGT

**Đối với khoản tiền thù lao nhận thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước.**

Thông tư số 193/2015/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2016 và áp dụng cho các trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nhận được khoản thù lao từ các cơ quan Nhà nước do thực hiện thu hộ, chi hộ cho các cơ quan Nhà nước trước ngày Thông tư số 193/2015/TT-BTC có hiệu lực thi hành.

16



### III/ GIÁ TÍNH THUẾ GTGT

#### **1- Đối với khoản chiết khấu thương mại theo hợp đồng kinh tế được ký giữa 2 bên mua bán:**

*Căn cứ văn bản số 5408/TCT-CS ngày 16/12/2015 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế GTGT đối với khoản chiết khấu thương mại.*

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho khách hàng căn cứ vào doanh số bán hàng đạt mức nhất định theo hợp đồng kinh tế được ký giữa 2 bên thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã chiết khấu thương mại, việc lập hóa đơn được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 22 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và điểm 2.5 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính .

### III/ GIÁ TÍNH THUẾ GTGT

#### **2- Đối với nhận tiền hỗ trợ cước vận chuyển**

*Căn cứ văn bản số 208/TCT-DNL ngày 17/01/2017 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế GTGT đối với khoản tiền hỗ trợ cước phí vận chuyển.*

Trường hợp cơ sở kinh doanh hỗ trợ cước phí vận chuyển cho các đại lý là nhà phân phối nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm thì khi nhận tiền các đại lý phải lập hóa đơn GTGT kê khai nộp thuế thuế GTGT theo quy định.

## IV/ THUẾ SUẤT 0%

### 1- Đối với dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa xuất khẩu

*Căn cứ văn bản số 5489/TCT-DNL ngày 21/12/2015 của Tổng cục Thuế về thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hiểm*

- Thuế GTGT áp dụng cho các đơn bảo hiểm hàng hóa **đi từ một quốc gia đến một quốc gia khác không qua lãnh thổ Việt Nam** (người được bảo hiểm và người yêu cầu bảo hiểm là các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam và đang hoạt động tại Việt Nam có hàng hóa tiêu dùng tại nước ngoài) áp dụng thuế suất GTGT là 0%.

19

## IV/ THUẾ SUẤT 0%

- Thuế suất GTGT áp dụng cho các đơn bảo hiểm hàng xuất khẩu **đi từ kho hàng tại Việt Nam sang kho hàng tại một quốc gia khác** (người được bảo hiểm và người yêu cầu bảo hiểm là các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam và đang hoạt động tại Việt Nam có hàng hóa tiêu dùng tại nước ngoài) và các đơn bảo hiểm hàng xuất khẩu với người được bảo hiểm là cá nhân, tổ chức nước ngoài và người yêu cầu bảo hiểm là các cá nhân, tổ chức tại Việt Nam thì:

- + Thuế suất 0% áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ bảo hiểm thực hiện ở ngoài Việt Nam;
- + Thuế suất 10% áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ bảo hiểm thực hiện ở Việt Nam;

## IV/ THUẾ SUẤT 0%

### 1- Đối với dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa xuất khẩu

Trường hợp hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam và **không xác định được giá tính thuế theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam** trên tổng chi phí thì dịch vụ bảo hiểm hàng hóa xuất khẩu trong trường hợp này áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

21

## IV/ THUẾ SUẤT 0%

### 2- Đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ

*Căn cứ văn bản số 501/TCT-CS ngày 02/02/2016 của Tổng cục Thuế về thuế GTGT, văn bản số 9547/CT-TTHT ngày 21/10/2015 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh về thuế GTGT*

Trường hợp theo thỏa thuận tại hợp đồng kinh tế ký giữa 4 bên (Công ty A và Công ty B là 2 doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, Công ty X và Công ty Y là 2 doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật nước ngoài) Công ty bán hàng cho Công ty X, Công ty X bán lại hàng hóa mua của Công ty A cho Công ty Y, hàng hóa được Công ty A giao tại Việt Nam cho Công ty B (Công ty B là đơn vị nhận gia công hàng hóa của Công ty Y). Nếu Công ty A bán hàng cho Công ty X đáp ứng các điều kiện hàng hóa xuất khẩu tại chỗ quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

## IV/ THUẾ SUẤT 0%

### 2- Đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ

Công ty X bán hàng cho Công ty Y tại Việt Nam (**hàng hóa được giao cho Công ty B**) thì thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế nhà thầu.

23

## IV/ THUẾ SUẤT 0%

### 3- Đối với dịch vụ cho thuê kho ngoại quan, dịch vụ cung cấp tại kho ngoại quan

*Căn cứ văn bản số 5293/TCT-CS ngày 10/12/2015 của Tổng cục Thuế về thuế GTGT đối với dịch vụ cho thuê kho ngoại quan, dịch vụ cung cấp tại kho ngoại quan*

Trường hợp, DN được phép thành lập và kinh doanh kho ngoại quan theo quy định thực hiện cung cấp: dịch vụ cho thuê kho ngoại quan cho **tổ chức, cá nhân nước ngoài** để lưu trữ hàng hóa cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài **trước khi xuất khẩu, chuyển khẩu, quá cảnh, tái xuất hoặc để phục vụ sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu**; dịch vụ bốc dỡ hàng hóa, đóng gói bao bì, dán nhãn mác cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện trong kho ngoại quan

## IV/ THUẾ SUẤT 0%

### 3- Đối với dịch vụ cho thuê kho ngoại quan, dịch vụ cung cấp tại kho ngoại quan

**gắn với xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài** thì các dịch vụ này áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp được phép thành lập và kinh doanh kho ngoại quan theo quy định thực hiện cung cấp: dịch vụ cho thuê kho ngoại quan, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa, đóng gói bao bì, dán nhãn mác cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng **gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng tại Việt Nam** thì phải áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

## IV/ THUẾ SUẤT 0%

### 4- Điều kiện về hóa đơn đối với HH xuất khẩu tại chỗ được áp dụng thuế suất 0%.

- **Từ ngày 01/01/2014 đến trước ngày 01/10/2014:** thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hoạt động xuất khẩu tại chỗ sử dụng hóa đơn GTGT.

- **Từ ngày 01/10/2014 đến trước ngày 01/04/2015:** thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 11910/TCHQ-GSQL của Tổng cục Hải quan hoạt động xuất khẩu tại chỗ sử dụng hóa đơn thương mại.

- **Từ ngày 01/04/2015:** thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 16, Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính hoạt động xuất khẩu tại chỗ sử dụng hóa đơn thương mại.

## V/ THUẾ SUẤT 5%, 10%

### 1- Đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa

*Căn cứ văn bản số 10453/BTC-CST ngày 27/07/2016 và văn bản số 15888/BTC-CST ngày 07/11/2016 của Bộ Tài chính về chính sách thuế nhà thầu đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa*

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa không phải là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ thì phải chịu thuế GTGT theo thuế suất là 10% (nếu áp dụng theo phương pháp khấu trừ) hoặc tỷ lệ (%) thuế GTGT tính trên doanh thu tính thuế là 5% (nếu áp dụng theo phương pháp trực tiếp).

27

## V/ THUẾ SUẤT 5%, 10%

### 1- Đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa

Trường hợp doanh nghiệp nước ngoài có phát sinh khoản thu nhập được trả cho quyền sử dụng nhãn hiệu mà phù hợp với quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ thì khoản thu nhập này thuộc đối tượng chịu thuế TNDN và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế TNDN là 10%.

28

## V/ THUẾ SUẤT 5%, 10%

### **1- Đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa**

Đối với các trường hợp phát sinh trước thời điểm ban hành Công văn số 15888/BTC-CST ngày 07/11/2016 mà đã kê khai nộp thuế GTGT, thuế TNDN khác với nội dung hướng dẫn tại Công văn này thì không điều chỉnh lại; trường hợp chưa kê khai hoặc đã kê khai nhưng chưa nộp thuế GTGT, thuế TNDN thì thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại Công văn này.

29

## V/ THUẾ SUẤT 5%, 10%

### **2- Đối với hoạt động cho thuê phim, chiếu phim, phát hành phim qua mạng internet**

*Căn cứ văn bản số 6578/BTC-CST ngày 17/05/2016 của Bộ Tài chính về thuế suất thuế GTGT đối với phim*

- Các hoạt động phát hành phim thông qua hình thức bán, cho thuê, phổ biến phim thông qua mạng internet, qua ứng dụng di động, qua trang thông tin điện tử theo quy định của Luật Điện ảnh áp dụng thuế suất thuế GTGT là 5%.
- Các hoạt động bán thiết bị để tải phim và giải mã phim được kết nối với tivi để khách hàng xem phim trên tivi áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

30



## V/ THUẾ SUẤT 5%, 10%

### 3- Đối với hoạt động gia công xay xát (gạo)

*Căn cứ văn bản số 5864/TCT-CS ngày 19/12/2016 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế*

Hoạt động gia công xay xát (gạo) là dịch vụ sơ chế sản phẩm nông nghiệp nên thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT là 5%.

31

## VI/ KHẤU TRỪ THUẾ GTGT

### 1- Điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

a) Tại Điều 1 Thông tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính) như sau:

32

## VI/ KHẤU TRỪ THUẾ GTGT

### 1- Điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

“3. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hiểu là có chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành như séc, uỷ nhiệm chi hoặc lệnh chi, uỷ nhiệm thu, nhờ thu, thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, sim điện thoại (ví điện tử) và các hình thức thanh toán khác theo quy định (bao gồm cả trường hợp bên mua thanh toán từ tài khoản của bên mua sang tài khoản bên bán mang tên chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc bên mua thanh toán từ tài khoản của bên mua mang tên chủ doanh nghiệp tư nhân sang tài khoản bên bán).”

## VI/ KHẤU TRỪ THUẾ GTGT

### 1- Điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Thông tư số 173/2016/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2016. Như vậy kể từ 15/12/2016 so với trước đã bỏ quy định “tài khoản của bên mua và tài khoản của bên bán phải là tài khoản đã đăng ký hoặc thông báo với cơ quan thuế”.

## VI/ KHẤU TRỪ THUẾ GTGT

### 1- Điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

*b) Căn cứ văn bản số 15249/BTC-TCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào:*

Trường hợp trước ngày 15/12/2016 nếu tài khoản của bên mua và tài khoản của bên bán chưa đăng ký hoặc thông báo với cơ quan thuế nhưng xác định được giao dịch mua bán hàng hóa giữa người mua và người bán là có thật; hóa đơn do người bán xuất cho người mua là hóa đơn hợp pháp; bên bán có khai thuế theo quy định thì người mua được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu đáp ứng các điều kiện khác về khấu trừ theo quy định. Cơ quan thuế xử phạt bên bán, bên mua về hành vi chưa đăng ký/thông báo tài khoản cho cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ.

## VI/ KHẤU TRỪ THUẾ GTGT

### 2- Xác định tỷ lệ % thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

*Căn cứ văn bản số 1566/TCT-DNL ngày 14/04/2016 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế đối với tổ chức tín dụng thì công thức xác định tỷ lệ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ áp dụng cho hệ thống Ngân hàng thương mại như sau:*

Tỷ lệ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ	=	Doanh thu chịu thuế GTGT trong kỳ	+	Doanh thu không phải kê khai tính nộp thuế GTGT trong kỳ
				-----
				2

## VI/ KHẤU TRỪ THUẾ GTGT

### 2- Xác định tỷ lệ % thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT đối với các Ngân hàng thương mại được đưa vào công thức để tính tỷ lệ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ = (1)+(4)+(7.e).

((1); (4); (7e) là các Khoản doanh thu không phải kê khai được quy định theo thứ tự tại Khoản 1, 4, 7e tại Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Trong đó: (1) không bao gồm Khoản tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và doanh thu tài chính khác).

37

## VII/ KHAI THUẾ GTGT

### 1- Khai thuế GTGT đối với SXKD HHDV không chịu thuế GTGT

NNT nếu chỉ sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT thì không phải kê khai, nộp thuế GTGT.

Trường hợp nếu phát sinh bán HHDV thuộc đối tượng chịu thuế GTGT (ví dụ: thanh lý tài sản,..) thì người nộp thuế sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế và nộp thuế theo quy định.

38

## VII/ KHAI THUẾ GTGT

### 2- Khai thuế GTGT đối với dự án đầu tư

- Người nộp thuế thành lập mới từ dự án đầu tư (**trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán**) thì lập hồ sơ khai thuế GTGT của dự án đầu tư là tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 02/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Người nộp thuế thành lập mới từ dự án đầu tư khi nhận bàn giao số thuế GTGT từ chủ dự án đầu tư thì kê khai vào chỉ tiêu “**Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước**” trên tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế nhận bàn giao.

## VII/ KHAI THUẾ GTGT

### 2- Khai thuế GTGT đối với dự án đầu tư

Người nộp thuế thành lập mới từ dự án đầu tư đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết của dự án đầu tư thì kê khai số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết của dự án đầu tư vào chỉ tiêu “**Điều chỉnh tăng số thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước**” trên tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

## VII/ KHAI THUẾ GTGT

### 2- Khai thuế GTGT đối với dự án đầu tư

- Người nộp thuế đang hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (**kê khai tờ khai 01/GTGT**) có dự án đầu tư (**trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán**) thì lập hồ sơ khai thuế riêng cho dự án đầu tư (**kê khai tờ khai 02/GTGT**) và phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư với thuế giá trị gia tăng của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Số thuế GTGT được kết chuyển của dự án đầu tư tối đa bằng số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của cơ sở kinh doanh.

## VII/ KHAI THUẾ GTGT

### 2- Khai thuế GTGT đối với dự án đầu tư

- Trường hợp NNT có thành lập Chi nhánh khác tỉnh/thành phố với trụ sở chính để thực hiện dự án đầu tư nhưng không giao Chi nhánh quản lý dự án đầu tư; Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, không có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, không có chi phí đầu vào; Chi nhánh đã kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh tại cơ quan thuế địa phương thì Chi nhánh phải hạch toán riêng, đầy đủ thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra của hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh.

Đối với số thuế GTGT của dự án đầu tư phát sinh tại Chi nhánh, Công ty thực hiện kê khai và phải bù trừ tối đa số thuế giá trị gia tăng của dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp của Chi nhánh (nếu có).

## VII/ KHAI THUẾ GTGT

### 2- Khai thuế GTGT đối với dự án đầu tư

Sau khi bù trừ nếu có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư mà chưa được bù trừ hết theo mức quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì được hoàn thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư (**tham khảo công văn 4910/TCT-KK ngày 24/10/2016 của Tổng cục Thuế**)

43



## HƯỚNG DẪN QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN NĂM 2016

*(Từ trang 37 đến trang 57)*

44



## CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ THUẾ TNCN

- 1- Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi bổ sung Luật thuế TNCN hướng dẫn thi hành Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân;
- 2- Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính để cải cách đơn giản các thủ tục về thuế;
- 3- Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số các quy định về thuế;

## CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ THUẾ TNCN

- 4- Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- 5- Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016, Bộ Tài chính hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;
- 6- Thông tư số 97/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016, Bộ Tài chính hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam.

## I/ ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 1) Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập

1.1- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế có trách nhiệm khai thuế và quyết toán thuế thay cho cá nhân có uỷ quyền.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập trong năm 2016 thì không phải khai quyết toán thuế TNCN.

47

## I/ ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 1) Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập

1.2- Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế TNCN đã khấu trừ, chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, hoặc phá sản và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động để làm cơ sở cho người lao động thực hiện quyết toán thuế TNCN.

48

## I/ ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 1) Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập

Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi (như chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật) thì doanh nghiệp trước chuyển đổi không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp và không cấp chứng từ khấu trừ thuế đối với người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới, bên tiếp nhận thực hiện khai quyết toán thuế năm theo quy định.

49

## I/ ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 1) Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập

Trường hợp sau khi tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi), người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp), cuối năm người lao động có ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động để làm căn cứ tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và quyết toán thuế thay cho người lao động.

50

## I/ ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 1) Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập

Riêng tổ chức trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế TNCN thì tổ chức trả thu nhập không thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm (nếu có) theo Mẫu số 05/DS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

Đối với các ngân hàng kê khai thuế tập trung tại Hội sở thực hiện quyết toán thuế TNCN năm 2016 với cơ quan thuế quản lý Hội sở.

## I/ ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 2) Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo, **trừ các trường hợp sau:**

- Cá nhân có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau.

## I/ ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 2) Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vãng lai ở các nơi khác, bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10%, **nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.**

53

## I/ ĐỐI TƯỢNG QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 2) Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế

- Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động mua hoặc đóng góp cho người lao động theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

54

## II/ ỦY QUYỀN QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 1) Trường hợp ủy quyền quyết toán thuế

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế đối với phần thu nhập do tổ chức, cá nhân trả trong các trường hợp sau:

+ Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm ủy quyền quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm.

55

## II/ ỦY QUYỀN QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 1) Trường hợp ủy quyền quyết toán thuế

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc tổ chức lại doanh nghiệp (**chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi**) và người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (**tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp**), nếu trong năm người lao động không có thêm thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi nào khác thì được ủy quyền quyết toán cho tổ chức mới.

56

## II/ ỦY QUYỀN QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 1) Trường hợp ủy quyền quyết toán thuế

+ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng, đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% nếu cá nhân **không có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vắng lai** thì được ủy quyền quyết toán tại tổ chức trả thu nhập ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

Nếu cá nhân có yêu cầu quyết toán thuế đối với thu nhập vắng lai, thì cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế.

57

## II/ ỦY QUYỀN QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 2) Trường hợp không ủy quyền quyết toán thuế

- Cá nhân đảm bảo điều kiện được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế theo hướng dẫn trên nhưng đã được tổ chức, cá nhân trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN thì không ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã thu hồi và hủy chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân).

58



## II/ ỦY QUYỀN QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 2) Trường hợp không ủy quyền quyết toán thuế

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không đảm bảo điều kiện được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế theo hướng dẫn trên, nhưng thuộc diện phải quyết toán thuế TNCN theo quy định thì trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế trên toàn bộ thu nhập phát sinh trong năm,

59

## II/ ỦY QUYỀN QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 2) Trường hợp không ủy quyền quyết toán thuế

#### *Một số trường hợp không ủy quyền quyết toán thuế*

- + Cá nhân chỉ có thu nhập vãng lai đã khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% (**kể cả trường hợp có thu nhập vãng lai duy nhất tại một nơi**) thì cá nhân không ủy quyền quyết toán.
- + Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai chưa khấu trừ thuế (**bao gồm trường hợp chưa đến mức khấu trừ và đã đến mức khấu trừ nhưng không khấu trừ**) thì cá nhân không ủy quyền quyết toán thuế.

60

## II/ ỦY QUYỀN QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

- Cá nhân ủy quyền lập mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC gửi đơn vị được ủy quyền để được quyết toán thay.

## III/ THU NHẬP CHỊU THUẾ TNCN

Thu nhập chịu thuế được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014; Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

### III/ THU NHẬP CHỊU THUẾ TNCN

**1) Lưu ý một số khoản thu nhập không tính vào TNCT TNCN**

**Doanh nghiệp tham khảo từ trang 42 đến trang 49**

63

### III/ THU NHẬP CHỊU THUẾ TNCN

**1) Lưu ý một số khoản thu nhập không tính vào TNCT TNCN**

**a) Khoản chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục theo mức quy định của nhà nước.**

Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện: **mức khoản chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.**

64

### III/ THU NHẬP CHỊU THUẾ TNCN

#### 1) Lưu ý một số khoản thu nhập không tính vào TNCT TNCN

**b) Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa** do người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn.

Trường hợp người sử dụng lao động không tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa mà chi tiền cho người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân, nếu mức chi phù hợp với hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp mức chi cao hơn mức hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì phần chi vượt mức phải tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

65

### III/ THU NHẬP CHỊU THUẾ TNCN

Mức chi cụ thể áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước và các tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, các Hội không quá mức hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với các doanh nghiệp ngoài Nhà nước và các tổ chức khác, mức chi do thủ trưởng đơn vị thống nhất với Chủ tịch công đoàn quyết định nhưng tối đa không vượt quá mức áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước.

Từ tháng 9/2016 trở về trước mức chi theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 – 680.000 đồng/người/tháng.

Từ tháng 10/2016 theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – 730.000 đồng/người/tháng.

### III/ THU NHẬP CHỊU THUẾ TNCN

#### 1) Lưu ý một số khoản thu nhập không tính vào TNCT TNCN

**c) Khoản tiền có tính chất phúc lợi:** Khoản tiền nhận được do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi đảm bảo, hi cho bản thân và gia đình người lao động theo quy định chung của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

67

### IV/ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

#### 1) Về việc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân

- Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân cư trú chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân hoặc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân chưa đủ 12 tháng thì được tính đủ 12 tháng nếu thực hiện quyết toán thuế theo quy định.

- Đối với người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam được tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân từ tháng 01 hoặc từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam trong năm tính thuế (**được tính đủ theo tháng**).

68

## IV/ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

### 2) Về việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc

- Người phụ thuộc đã đăng ký và có đầy đủ hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2014/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì được tính giảm trừ gia cảnh trong năm 2016, kể cả trường hợp người phụ thuộc chưa được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

## IV/ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

### 2) Về việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc

- Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng (**Cha mẹ, vợ chồng và con**) khi người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế và đã khai đầy đủ thông tin người phụ thuộc gửi tổ chức trả thu nhập kê khai tổng hợp vào mẫu phụ lục Bảng kê 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

## IV/ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

### 2) Về việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc

- Trường hợp người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người phụ thuộc khác theo hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính (như: anh, chị, em ruột; ông, bà nội ngoại; cô, dì...) thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31/12/2016, nếu đăng ký giảm trừ gia cảnh quá thời hạn nêu trên người nộp thuế không được giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc đó cho năm 2016.

71

## IV/ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

### 3) Giảm trừ đối với các khoản đóng bảo hiểm, quỹ hưu trí tự nguyện

- Các khoản đóng bảo hiểm bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc.

- Các khoản đóng vào quỹ hưu trí tự nguyện

Mức đóng vào quỹ hưu trí tự nguyện được trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế theo thực tế phát sinh nhưng **tối đa không quá 01 triệu đồng/tháng (12 triệu đồng/năm)** đối với người lao động tham gia các sản phẩm hưu trí tự nguyện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, kể cả trường hợp tham gia nhiều quỹ. Căn cứ xác định thu nhập được trừ là bản chụp chứng từ nộp tiền (hoặc nộp phí) do quỹ hưu trí tự nguyện cấp.



## V/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### 1) Đối với tổ chức trả thu nhập

- Tờ khai quyết toán thuế TNCN mẫu số 05/QTT-TNCN
- Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN
- Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN
- Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN

Mẫu biểu theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

73

## V/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

**2) Đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không thuộc trường hợp được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay thì khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế, hồ sơ quyết toán thuế bao gồm:**

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.
- Bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC (nếu có đăng ký giảm trừ cho người phụ thuộc).

74

## V/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### Các chứng từ khác áp dụng như năm 2015

- Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó.

Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

75

## V/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

### Các chứng từ khác áp dụng như năm 2015

Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

- Bản chụp các hoá đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).

76

## **V/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN**

### **Các chứng từ khác áp dụng như năm 2015**

- Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài.

77



## **HƯỚNG DẪN QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP NĂM 2016**

***(Từ trang 58 đến trang 118)***

78

## CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ THUẾ TNDN

- 1- Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ hướng dẫn và thi hành Luật thuế TNDN;
- 2- Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính để cải cách đơn giản các thủ tục về thuế;
- 3- Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số các quy định về thuế;
- 4- Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về thuế;

## CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ THUẾ TNDN

- 5- Thông tư số 21/2016/TT-BTC ngày 05/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khai thuế GTGT và ưu đãi thuế TNDN đối với ngành công nghiệp phát triển công nghệ hỗ trợ;
- 6- Thông tư số 83/2016/TT-BTC ngày 17/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về ưu đãi thuế theo Luật Đầu tư.

## I/ DOANH THU TÍNH THUẾ TNDN

**Doanh thu tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu tặng:**

Hàng hóa, dịch vụ dùng để biếu, tặng (bao gồm cả biếu tặng khách hàng) thì **không phải xác định DT tính thuế TNDN**, nhưng vẫn phải lập hoá đơn tính thuế GTGT theo quy định Pháp luật về thuế GTGT.

Chi phí của hàng hóa dịch vụ biếu, tặng khách hàng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Chi phí của hàng hóa dịch vụ biếu, tặng không phải là khách hàng, không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

- Các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.
- Lưu ý một số khoản chi phí được trừ và không được trừ như sau: (từ trang 58 đến trang 65)

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

**1- Điều chỉnh điều kiện xác định khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với khoản chi có hoá đơn mua HH, DV (bao gồm hóa đơn GTGT và hóa đơn bán hàng) từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT).**

Thông tư số 173/2016/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2016. Như vậy, kể từ 15/12/2016 đã bỏ quy định “**chứng từ thanh toán qua ngân hàng được chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán phải là tài khoản đã đăng ký hoặc thông báo với cơ quan thuế**”.

83

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

Trường hợp trước ngày 15/12/2016 nếu tài khoản của bên mua và tài khoản của bên bán chưa đăng ký hoặc thông báo với cơ quan thuế nhưng xác định được giao dịch mua bán hàng hóa giữa người mua và người bán là có thật; hóa đơn do người bán xuất cho người mua là hóa đơn hợp pháp; bên bán có khai thuế theo quy định thì người mua được tính vào chi phí được trừ, nếu đáp ứng các điều kiện khác về tính vào chi phí được trừ theo quy định.

84

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

### 2- Về chi khấu hao tài sản cố định

a) Chi khấu hao đối với tài sản cố định năm 2016 được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo chế độ quản lý tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

85

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

### 2- Về chi khấu hao tài sản cố định

b) Về việc thay đổi mức trích khấu hao TSCĐ (trích khấu hao nhanh tối đa không vượt quá 2 lần mức khấu hao) xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ.

Trường hợp thời gian trích khấu hao hay nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian trích khấu hao đã đăng ký trừ thời gian đã trích khấu hao) của TSCĐ.



## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

Ví dụ: Trường hợp Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải có TSCĐ là xe ô tô, nguyên giá 750 triệu đồng, đã sử dụng được 5 năm. Tổng Công ty đăng ký trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, khung thời gian trích khấu hao xe ô tô theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC là từ 6 năm đến 10 năm. Khi TSCĐ bắt đầu đưa vào sử dụng, Tổng Công ty đã chọn thời gian trích khấu hao TSCĐ là 10 năm, số khấu hao lũy thời điểm này là 375 triệu đồng, nay Tổng Công ty chọn lại thời gian trích khấu hao là 6 năm theo hướng dẫn trên mức trích khấu hao tính vào chi phí bình quân 1 năm từ năm thay đổi là:

$$(750.000.000 - 375.000.000) / (6-5) = 375.000.000 \text{ đồng}$$

(*Công văn số 1848/TCT-CS ngày 04/05/2016 của Tổng cục Thuế và Công văn số 80/CT-TTHT ngày 05/01/2016 của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh về trích khấu hao TSCĐ*).

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

### 2- Về chi khấu hao tài sản cố định

c) Chi phí khấu hao đối với tài sản cố định đặt tại đơn vị mua hàng.

*Căn cứ văn bản số 6838/BTC-CST ngày 25/05/2015 của Bộ Tài chính về chi phí được trừ đối với chi phí khấu hao TSCĐ*

Trường hợp doanh nghiệp bán hàng hóa cho khách hàng, trên hợp đồng bán hàng có thỏa thuận đặt TSCĐ thiết bị tại đơn vị mua hàng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp, TSCĐ đặt tại đơn vị mua hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp bán, thì doanh nghiệp bán vẫn được trích khấu hao TSCĐ.



## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

**3- Chi phí mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, giấy phép chuyển giao công nghệ, nhãn hiệu thương mại, lợi thế kinh doanh, quyền sử dụng thương hiệu...**

Các khoản chi này được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh nhưng tối đa không quá 03 năm.

Trường hợp doanh nghiệp có góp vốn bằng giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị quyền sử dụng thương hiệu thì giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị quyền sử dụng thương hiệu góp vốn không phân bổ vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

89

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

**4- Về chi trả lãi tiền vay**

*Căn cứ văn bản số 4975/TCT-CS ngày 26/10/2016 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế thì:*

Trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng cho doanh nghiệp khác vay với lãi suất là 0% thì hoạt động cho vay vốn trên là việc thực hiện trao đổi không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường, doanh nghiệp thuộc diện bị ấn định thuế theo quy định tại điểm e khoản 1 điều 37 của Luật Quản lý thuế

90

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

### 5- Các khoản dự phòng

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính .
- Dự phòng thẩm định giá thực hiện theo Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/03/2014 của Bộ Tài chính.
- Dự phòng rủi ro bồi thường về môi trường thực hiện theo [Thông tư số 86/2016/TT-BTC](#) ngày 20/06/2016 của Bộ Tài chính.

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

- Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro môi trường: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 86/2016/TT-BTC, cụ thể như sau:

Doanh nghiệp thực hiện trích lập 0,5% trên doanh thu thuần năm về bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 86/2016/TT-BTC và số tiền trích không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm. Trong đó doanh thu thuần năm về bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm doanh thu xuất bán nội bộ giữa công ty mẹ với công ty con và ngược lại.

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

- Kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế) có trách nhiệm lập và gửi báo cáo tình hình thực hiện trích lập và sử dụng Quỹ theo quy định tại Thông tư 86/2016/TT-BTC (Phụ lục 1) đến Sở Tài chính, Cục Thuế và Sở Tài nguyên Môi trường địa phương nơi đơn vị đặt trụ sở chính cùng với thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm.
- Các doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, ngành phải gửi đồng thời báo cáo tình hình thực hiện trích lập và sử dụng Quỹ theo quy định tại Thông tư 86/2016/TT-BTC đến chủ sở hữu, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp) và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ

### **6- Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động**

Về khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động được tính vào chi phí không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp.

*Căn cứ văn bản số 2337/TCT-CS ngày 30/05/2016, văn bản số 180/TCT-CS ngày 16/01/2017 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế thì:*

## **II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ**

- Khoản chi phí tư vấn thuế TNCN cho người lao động là người nước ngoài không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không được coi là khoản chi có tính chất phúc lợi cho người lao động, do đó không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.
- Khoản chi phí tư vấn khám sức khỏe cho người lao động là người nước ngoài là một trong quá trình chăm sóc sức khỏe từ tư vấn đến khám chữa bệnh cho người lao động, được coi là khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động, được tính vào chi phí không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp.

95

## **II/ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ**

- Khoản chi phí mua bảo hiểm xe máy cho người lao động được coi là khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động, được tính vào chi phí không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp nhà nước, Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước có các khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định nêu trên, nếu doanh nghiệp có trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định, thì cần phải đảm bảo nguyên tắc một khoản chi phúc lợi không hạch toán trùng từ 2 nguồn nêu trên.

### III/ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC

**1- Về việc xác định trị giá hàng hóa khuyến mãi để tính vào chi phí hoặc tính vào thu nhập khác khi nhận hàng hóa khuyến mãi.**

*Căn cứ văn bản số 5357/TCT-CS ngày 11/12/2015 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế thì:*

Trường hợp hàng hóa mua và hàng hóa nhận khuyến mãi là cùng loại hàng hóa, ví dụ: mua 2 sản phẩm tặng thêm 1 sản phẩm thì đơn giá của 1 đơn vị hàng hóa (bao gồm cả hàng hóa nhận khuyến mãi) được xác định là tổng số tiền phải trả để mua hàng chia cho tổng số lượng hàng hóa nhận được (3), trong trường hợp này hàng hóa nhận khuyến mãi không phải tính vào thu nhập khác.

### III/ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC

**1- Về việc xác định trị giá hàng hóa khuyến mãi để tính vào chi phí hoặc tính vào thu nhập khác khi nhận hàng hóa khuyến mãi.**

Trường hợp hàng hóa mua và hàng hóa nhận khuyến mãi là các loại hàng hóa khác nhau, thì giá trị hàng hóa khuyến mãi được căn cứ vào giá trị hàng hóa khuyến mãi được người bán công bố hoặc giá trị thị trường của hàng hóa để tính vào thu nhập khác.

### III/ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC

#### 2- Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất để: góp vốn (mà doanh nghiệp nhận giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ dần giá trị đất vào chi phí được trừ) tính một lần vào thu nhập khác (đối với chênh lệch tăng) hoặc giảm trừ thu nhập khác (đối với chênh lệch giảm).

*Trước năm 2014* được phân bổ trong thời gian tối đa không quá 10 năm bắt đầu từ năm giá trị quyền sử dụng đất được đem góp vốn (*trang 66*).

99

### IV/ TRÍCH LẬP QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Việc trích lập, sử dụng và quản lý quỹ phát triển khoa học công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

100

## V/ THUẾ SUẤT THUẾ TNDN

**Thuế suất thuế TNDN phổ thông áp dụng năm 2016 là 20%**

101

## VI/ THUẾ TNDN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

Trường hợp doanh nghiệp thế chấp tài sản bảo đảm của mình là bất động sản mà không có khả năng trả nợ và phải bàn giao chính tài sản bảo đảm là bất động sản đó cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ đảm bảo (gán nợ) mà sau khi bàn giao tài sản, doanh nghiệp không nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ việc bàn giao tài sản và không phát sinh thu nhập, thì doanh nghiệp không phải kê khai nộp thuế TNDN đối với việc gán nợ bằng tài sản đảm bảo.

Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh thu nhập từ việc bàn giao tài sản để gán nợ thì phải kê khai nộp thuế TNDN theo quy định.



## VI/ THUẾ TNDN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

Tổ chức tín dụng nhận tài sản bảo đảm là bất động sản để giảm trừ nợ vay cho doanh nghiệp mà chưa chuyển nhượng, thì chưa phải kê khai nộp thuế TNDN. Khi tổ chức tín dụng được phép chuyển nhượng, thì phải kê khai nộp thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định.

*(Văn bản số 17554/BTC-CST ngày 25/11/2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý nghĩa vụ thuế TNDN đối với tài sản đảm bảo là bất động sản để gán nợ)*

## VII/ THUẾ TNDN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

**Về thuế TNDN đối với các nhà đầu tư là các tổ chức nước ngoài chuyển nhượng cổ phần trong các công ty cổ phần được thành lập theo pháp luật Việt Nam.**

Trường hợp các tổ chức nước ngoài chuyển nhượng cổ phần trong các công ty cổ phần không phải là Công ty đại chúng, thì được xác định là hoạt động chuyển nhượng vốn, phải kê khai nộp thuế TNDN theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính về thuế TNDN.

*(Văn bản số 2953/BTC-CST ngày 06/03/2015 của Bộ Tài chính về việc thuế TNDN đối với chuyển nhượng cổ phần của các nhà đầu tư là các tổ chức nước ngoài)*



## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### **1- Về việc chuyển sang áp dụng thuế suất ưu đãi 17% đối với các doanh nghiệp đang được áp dụng thuế suất ưu đãi 20% từ năm 2016.**

*Căn cứ văn bản số 2694/TCT-CS ngày 17/06/2016 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNDN thì chỉ có các doanh nghiệp đang được áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đến hết năm 2015, đến năm 2016 đáp ứng điều kiện được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP thì được chuyển sang áp dụng thuế suất thuế TNDN 17% cho thời gian còn lại kể từ ngày 01/01/2016.*

105

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### **2- Về việc ưu đãi thuế TNDN đối với DN hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.**

- Thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN.
- Thu nhập của doanh nghiệp từ chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động;
- Thu nhập của doanh nghiệp chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn áp dụng thuế suất 15% trong suốt thời gian hoạt động.

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 2- Về việc ưu đãi thuế TNDN đối với DN hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.

*a) Căn cứ văn bản số 5181/BTC-TCT ngày 15/04/2016 của Bộ Tài chính về chính sách thuế TNDN đối với thu nhập từ chế biến nông sản:*

- Trường hợp doanh nghiệp chế biến nông sản, thủy sản trong quá trình chế biến có **đi thuê gia công chế biến** thì thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản của doanh nghiệp thuê gia công được ưu đãi thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện:

107

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 2- Về việc ưu đãi thuế TNDN đối với DN hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.

+ Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (**giá thành sản xuất hàng hóa, sản phẩm**) từ 30% trở lên.

+ Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

108

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 2- Về việc ưu đãi thuế TNDN đối với DN hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.

- Trường hợp doanh nghiệp **nhận gia công chế biến** nông sản, thủy sản cho bên đi thuê gia công được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản nếu đáp ứng điều kiện:

+ Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản do doanh nghiệp nhận gia công trực tiếp đưa vào phục vụ quá trình gia công chế biến tại doanh nghiệp nhận gia công (**không bao gồm giá trị nguyên liệu là nông sản, thủy sản của bên đi thuê gia công**) trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (**giá thành sản xuất hàng hóa, sản phẩm**) của doanh nghiệp nhận gia công từ 30% trở lên.

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

+ Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính thì được ưu đãi thuế TNDN.

- Trường hợp doanh nghiệp thương mại thu mua nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản về để bán thì thu nhập từ hoạt động kinh doanh nông sản, thủy sản không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (**không phân biệt có hay không đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP**).

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 2- Về việc ưu đãi thuế TNDN đối với DN hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.

*b) Căn cứ văn bản số 5864/TCT-CS ngày 19/12/2016 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNDN đối với thu nhập từ lau bóng gạo thì:*

Hoạt động xay xát, đánh bóng gạo (không gắn liền với quá trình xay xát, tách vỏ trấu của thóc, lúa) để bán là hoạt động bán buôn gạo (không thuộc hoạt động chế biến nông sản) do đó không được hưởng ưu đãi thuế TNDN từ hoạt động chế biến nông sản.

111

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 2- Về việc ưu đãi thuế TNDN đối với DN hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.

*c) Căn cứ văn bản số 1519/TCT-CS ngày 12/04/2016 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNDN (trang 69)*

Hoạt động của doanh nghiệp mua trong nước và nhập khẩu thuốc lá lá chưa tách cọng về tách cọng thành thuốc lá lá đã tách cọng thì là sản phẩm mới qua sơ chế thông thường, **không được xem là hoạt động chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp**. Do đó thu nhập từ thuốc lá lá đã tách cọng bán trong nước và xuất khẩu không được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.

112

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 2- Về việc ưu đãi thuế TNDN đối với DN hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.

Thuốc lá sợi bán trong nước và xuất khẩu, thuốc bao xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB do vậy thu nhập từ chế biến thuốc lá sợi bán trong nước và xuất khẩu, sản xuất thuốc bao xuất khẩu được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu đáp ứng điều kiện tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá thành sản xuất hàng hóa, sản phẩm) từ 30% trở lên.

113

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 3- Ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động chế biến lâm sản.

Theo quy định của Luật thuế số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn về thuế TNDN quy định ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.

*Căn cứ văn bản số 1923/TCT-CS ngày 06/05/2016 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế đối với thu nhập từ chế biến lâm sản thì:*

Thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động chế biến lâm sản (nguyên vật liệu đầu vào từ gỗ cao su, gỗ bạch đàn, gỗ thông, gỗ keo...) không thuộc các trường hợp được ưu đãi thuế TNDN theo hoạt động chế biến nông sản, thủy sản.

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 4- Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Ngày 22/7/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1470/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

115

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 4- Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

*Căn cứ văn bản số 17143/BTC-TCT ngày 02/12/2016 của Bộ Tài chính về chính sách thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa).*

***Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập trước ngày Quyết định số 1470 có hiệu lực thi hành (ngày 22/7/2016):***

a) Nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng điều kiện về Danh mục loại hình, tiêu chí, quy mô ban hành kèm theo Quyết định số 1466, Quyết định số 693 nhưng đáp ứng điều kiện tại Quyết định số 1470 thì thu nhập từ hoạt động xã hội hóa được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định cho thời gian còn lại kể từ ngày Quyết định số 1470 có hiệu lực thi hành

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 4- Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Nếu cơ sở xã hội hóa đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về Danh mục loại hình, tiêu chí, quy mô ban hành kèm theo Quyết định số 1466, Quyết định số 693 nhưng không đáp ứng điều kiện tại Quyết định số 1470 thì cơ sở thực hiện xã hội hóa tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định đối với thu nhập từ hoạt động xã hội hóa do đáp ứng điều kiện tại Quyết định số 1466, Quyết định số 693 cho thời gian còn lại.

117

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 4- Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

***Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập từ ngày Quyết định số 1470 có hiệu lực thi hành:***

a) Nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa đáp ứng điều kiện về Danh mục loại hình, tiêu chí, quy mô ban hành kèm theo Quyết định số 1470 thì thu nhập từ hoạt động xã hội hóa được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định kể từ khi đáp ứng Quyết định số 1470.

b) Nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng điều kiện về Danh mục loại hình, tiêu chí, quy mô ban hành kèm theo Quyết định số 1470 thì thu nhập từ hoạt động xã hội hóa phải kê khai nộp thuế theo quy định.

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 4- Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng điều kiện về Danh mục loại hình, tiêu chí, quy mô ban hành kèm theo Quyết định số 1466, Quyết định số 693 và Quyết định số 1470 thì không được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động xã hội hóa và phải kê khai nộp thuế theo quy định.

119

## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### 4- Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Số thuế TNDN chưa thực hiện truy thu theo Nghị quyết số **63/NQ-CP** ngày 25/8/2014 của Chính phủ (bao gồm: cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng điều kiện tại Quyết định số 1466, Quyết định số 693 nhưng đáp ứng điều kiện tại Quyết định số 1470; cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng điều kiện tại Quyết định số 1466, Quyết định số 693 và cũng không đáp ứng điều kiện tại Quyết định số 1470) thì sẽ thực hiện theo quy định của Chính phủ khi có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

120



## VIII/ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

### **5- Về việc nộp thuế TNDN đối với các cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc tại các địa phương khác đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN.**

*Căn cứ văn bản số 2352/TCT-CS ngày 30/05/2016 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNDN thì:*

Trường hợp Công ty có trụ sở chính tại Quảng Ngãi có các nhà máy sản xuất và chế biến tại Bắc Ninh và Gia Lai đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN thì Công ty phải tính riêng số thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy tại Bắc Ninh và Gia Lai để kê khai nộp thuế riêng và không thực hiện phân bổ số thuế TNDN phải nộp tại các địa phương theo tỷ lệ % chi phí. Số thuế TNDN phải nộp tại các địa phương trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN được xác định trên cơ sở phần thu nhập phát sinh tương ứng tại các địa phương.

## VII/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

### **1- Về mẫu biểu hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2016:**

Hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2016 thực hiện như năm 2015, cụ thể:

- Về mẫu biểu thực hiện theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/01/2013 của Bộ Tài chính, riêng tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN, phụ lục thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản mẫu số 03-5/TNDN thực hiện theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC.
- Về cách lập từng mẫu biểu đề nghị tham khảo tài liệu hướng dẫn kê khai quyết toán thuế TNDN (từ trang 76 đến trang 117).

## VII/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

### 2- Cách lập Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu số 03/TNDN)

#### 2.1) Cách lập Phụ lục 03-5/TNDN:

a/ Đối tượng áp dụng:

Dành cho doanh nghiệp trong kỳ tính thuế TNDN có chuyển nhượng bất động sản (không phân biệt là doanh nghiệp thường xuyên hay không thường xuyên), doanh nghiệp tuy trong kỳ không có hoạt động chuyển nhượng bất động sản nhưng có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

123

## VII/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

#### 2.1) Cách lập Phụ lục 03-5/TNDN:

b/ Lưu ý một số chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu “Số lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD – [11a]”: trường hợp chỉ tiêu “Thu nhập tính thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản – mã số [11]”: âm (-) và doanh nghiệp có phát sinh thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm thu nhập khác) thì lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản (bao gồm lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của các năm trước) được chuyển vào thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm thu nhập khác) từ năm 2014 trở đi, chuyển vào chỉ tiêu mã [C3] và [C3b] trên tờ khai 03/TNDN.

124

## VII/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

### 2- Cách lập Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu số 03/TNDN)

#### 2.2) Lưu ý một số chỉ tiêu trên Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu 03/TNDN):

+ **Chỉ tiêu: Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) – mã [D3]:** Trường hợp doanh nghiệp có khấu trừ thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài chuyển nhượng vốn trong doanh nghiệp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài khác mà doanh nghiệp có trách nhiệm khấu trừ và phần chênh lệch thuế TNDN phải nộp đối với phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài (nếu thuế suất tại nước ngoài thấp hơn thuế suất tại Việt Nam thì phần thuế TNDN chênh lệch phải nộp thêm ghi tại chỉ tiêu này)

## VII/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

### 2- Cách lập Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu số 03/TNDN)

- **Chỉ tiêu: “M. Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN**

(Trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế).

[M1] Số ngày chậm nộp.....ngày, từ ngày.....đến ngày .....

[M2] Số tiền chậm nộp: .....”

## VII/ HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

### 2- Cách lập Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu số 03/TNDN)

Căn cứ quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 thì:

Nếu chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp [I] mà doanh nghiệp nộp chậm sau 30/01/2017 thì tính tiền chậm nộp từ ngày 31/01/2017 đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (**trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế**).

127

## VIII/ MỘT SỐ LƯU Ý KHI KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN (TRANG 116)

### 1- Về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2016 và xử phạt chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế.

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm, theo đó thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là **trước 24 giờ ngày 31/03/2017**, nếu chậm nộp thì sẽ bị xử phạt về chậm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài Chính.

128

## VIII/ MỘT SỐ LƯU Ý KHI KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

**2- Về việc xử lý doanh nghiệp nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN không kèm báo cáo tài chính có kiểm toán (đối với doanh nghiệp bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính có kiểm toán):**

Căn cứ văn bản số 5236/TCT-KK ngày 08/12/2015 của Tổng Cục Thuế về việc xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế.

Trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN nhưng không có Báo cáo tài chính thì cơ quan thuế không tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn người nộp thuế bổ sung đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế.

## VIII/ MỘT SỐ LƯU Ý KHI KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

Trường hợp người nộp thuế là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán Báo cáo tài chính, khi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN cho cơ quan thuế, có Báo cáo tài chính nhưng không đính kèm Báo cáo kiểm toán thì cơ quan thuế không tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn người nộp thuế bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định; đồng thời có văn bản thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập và xử phạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quá thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế mới nộp hồ sơ khai thuế thì bị xử phạt theo quy định tại Thông tư số 166/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về hành vi nộp chậm hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định.

## VIII/ MỘT SỐ LƯU Ý KHI KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

3- Người nộp thuế trong năm có phát sinh bán toàn bộ công ty TNHH MTV dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn bất động sản, thì trong năm khi phát sinh kê khai theo mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư 151/2016/TT-BTC theo tiêu mục 1053. Cuối năm khi thực hiện quyết toán tổng hợp tờ khai 06/TNDN, cùng với tờ khai 02/TNDN vào Phụ lục 03-5/TNDN kèm theo tờ khai quyết toán thu nhập doanh nghiệp để nộp cho cơ quan thuế.

131

## VIII/ MỘT SỐ LƯU Ý KHI KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

4- Số thuế TNDN tạm nộp trong năm kê khai trên tờ khai quyết toán được xác định theo chứng từ nộp thuế TNDN trong năm tài chính (từ ngày đầu năm tài chính cho đến ngày thứ 30 kể từ ngày kết thúc năm tài chính) sau khi đã bù trừ hết với các khoản thuế nợ năm trước chốt đến ngày 31/1 (năm tài chính trùng năm dương lịch) và các khoản thuế phát sinh trong năm từ hoạt động SXKD, hoạt động chuyển nhượng bất động sản (có cùng tiêu mục).

132

## VIII/ MỘT SỐ LƯU Ý KHI KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN

Trường hợp tổng số thuế tạm nộp trong kỳ tính thuế thấp hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán từ 20% trở lên thì doanh nghiệp phải nộp tiền chậm nộp đối với phần chênh lệch từ 20% trở lên giữa số thuế tạm nộp với số thuế phải nộp theo quyết toán tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế quý bốn của doanh nghiệp đến ngày thực nộp số thuế còn thiếu so với số quyết toán.

Đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo quý thấp hơn số thuế phải nộp theo quyết toán dưới 20% mà doanh nghiệp chậm nộp so với thời hạn quy định (thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm) thì tính tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đến ngày thực nộp số thuế còn thiếu so với số quyết toán.



## MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ PHÍ, LỆ PHÍ NĂM 2017 (*Từ trang 119 đến trang 125*)

## I/ LỆ PHÍ MÔN BÀI

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 thay thế cho Điều 18 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP thì từ 01/01/2017 người nộp thuế sẽ khai lệ phí môn bài thay cho thuế môn bài trước đây.

135

## I/ LỆ PHÍ MÔN BÀI

### 1) Khai lệ phí môn bài

- Hồ sơ khai lệ phí môn bài là Tờ khai lệ phí môn bài ban hành kèm theo Nghị định số 139/2016/NĐ-CP
- Người nộp lệ phí môn bài nộp hồ sơ khai lệ phí môn bài cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.
- + Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (**chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh**) kinh doanh ở cùng địa phương cấp tỉnh thì người nộp lệ phí thực hiện nộp hồ sơ khai lệ phí môn bài của các đơn vị phụ thuộc đó cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của người nộp lệ phí;

136



## I/ LỆ PHÍ MÔN BÀI

### 1) Khai lệ phí môn bài

+ Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (**chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh**) kinh doanh ở khác địa phương cấp tỉnh nơi người nộp lệ phí có trụ sở chính thì đơn vị phụ thuộc thực hiện nộp hồ sơ khai lệ phí môn bài của đơn vị phụ thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc.

137

## I/ LỆ PHÍ MÔN BÀI

### 2) Mức thu lệ phí môn bài

- Mức thu lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ căn cứ vào vốn điều lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp không có vốn điều lệ thì căn cứ vào vốn đầu tư ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

+ Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng: 3.000.000 đồng/năm; tiểu mục 2862

+ Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 đồng/năm; tiểu mục 2863

+ Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác: 1.000.000 đồng/năm, tiểu mục 2864

## II/ NỘP PHÍ, LỆ PHÍ

Từ 01/01/2017, một số khoản phí, lệ phí đã thay đổi tiêu mục, chi tiết các tiêu mục tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 300/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.  
(Tham khảo từ trang 122 đến trang 125).

139



**CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

**TRẦN TRONG CẨM ƠN**

140